

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019**

Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn tại Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 09/12/2020

(Kèm theo Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 11/01/2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>12.379.375</b>	<b>15.358.379</b>	<b>762.646</b>	<b>124%</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>1.792.693</b>	<b>1.811.024</b>	<b>18.331</b>	<b>235%</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	769.393	1.793.421	1.024.028	233%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.023.300	17.604	-1.005.696	2%
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>10.551.282</b>	<b>11.261.990</b>	<b>710.708</b>	<b>225%</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	7.660.365	7.660.365		100%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	2.890.917	3.601.625	710.708	125%
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>				
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>24.056</b>	<b>24.056</b>	
<b>V</b>	<b>Thu viện trợ, huy động đóng góp</b>		<b>47.881</b>	<b>47.881</b>	
<b>VI</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>2.187.352</b>	<b>2.187.352</b>	
<b>VII</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>9.551</b>	<b>9.551</b>	
<b>VIII</b>	<b>Thu từ nguồn vay lại chính phủ</b>	<b>35.400</b>	<b>16.525</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>12.289.375</b>	<b>15.235.062</b>	<b>2.945.687</b>	<b>124%</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>9.398.458</b>	<b>10.805.480</b>	<b>1.458.565</b>	<b>115%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	950.670	2.947.005	1.996.335	310%
2	Chi thường xuyên (gồm 94,2 tỷ đồng hoàn trả số đã tạm ứng để trả nợ gốc năm 2016, 2017)	8.157.258	7.818.193	-339.065	96%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	900	225	-675	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200		100%
5	Dự phòng ngân sách	184.130		-184.130	0%
6	Chi từ nguồn thu huy động đóng góp	55.000			
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	13.900		-13.900	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
8	Chi nộp ngân sách cấp trên		22.331		
9	Chi từ nguồn vay lại chính phủ	35.400	16.525		
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>2.890.917</b>	<b>3.056.322</b>	<b>165.405</b>	<b>106%</b>
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.146.720	994.162	-152.557	87%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.744.197	2.062.160	317.963	118%
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>		<b>1.373.260</b>	<b>1.373.260</b>	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP</b>	<b>90.000</b>	<b>123.317</b>		<b>0</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>	<b>0</b>	<b>100%</b>
<b>I</b>	<b>Từ nguồn vay để trả nợ gốc</b>			<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh</b>	<b>90.000</b>	<b>90.000</b>		
1	Trả nợ theo cam kết năm 2019	90.000	90.000		
<b>III</b>	<b>Tạm ứng ngân sách tỉnh (đảm bảo trả đủ nợ gốc theo cam kết)</b>				
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP</b>	<b>35.400</b>	<b>16.574</b>		
<b>I</b>	<b>Vay lại vốn vay của Chính phủ thực hiện các dự án ODA</b>	<b>35.400</b>	<b>16.574</b>		
<b>II</b>	<b>Vay để trả nợ gốc</b>				
<b>G</b>	<b>TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP</b>	<b>144.454</b>	<b>124.228</b>		